**MẪU BÀI DỰ THI**

**Cuộc thi “Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 2015” trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo số 2368/QĐ-BTC ngày 16/5/2018 của Ban Tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 2015” thành phố Hà Nội )*

Họ và tên: ...............................................................................................Giới tính:......................................................................

Ngày, tháng, năm sinh:..............................................................................................................................................................

Số CMND hoặc Số căn cước công dân: ................................................................................................................

Do Công an.................................Cấp ngày..................................................................................................................................

Đơn vị công tác:................................................................................................................................................................................

Hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú:.................................................................................................................................

Số điện thoại:........................................................................................................................................................................................

**Phần I. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm**

*(Khoanh tròn câu trả lời đúng)*

**Câu 1. Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015) có hiệu lực từ ngày, tháng, năm nào?**

1. Từ ngày 01/07/2016
2. Từ ngày 01/07/2017
3. Từ ngày 01/01/2018

**Câu 2. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung thêm chủ thể nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự ?**

a) Cá nhân

b) Pháp nhân

c) Pháp nhân thương mại

**Câu 3. Nguyên tắc nào sau đây không phải là nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 ?**

a) Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội.

b) Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra.

c) Đối với người tái phạm, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục.

d) Đối với người bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt tại các cơ sở giam giữ, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có đủ điều kiện do Bộ luật Hình sự quy định, thì có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện.

đ) Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích.

**Câu 4. Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người từ đủ độ tuổi nào phải chịu trách nhiệm hình sự?**

a) Người từ đủ 16 tuổi trở lên

b) Người từ đủ 14 tuổi trở lên

c) Người từ đủ 18 tuổi trở lên

**Câu 5. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thuộc các tội nào sau đây?**

a) Tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác

b) Tội cướp tài sản, tội trộm cắp tài sản

c) Tội vận chuyển trái phép chất ma túy, tội mua bán trái phép chất ma túy

d) Tội tổ chức đua xe trái phép, tội đua xe trái phép

e) Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

f)Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác, tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt

**Câu 6. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội nào thì phải chịu trách nhiệm hình sự?**

a) Tội giết người hoặc tội cướp tài sản

b) Tội trộm cắp tài sản

c) Tội gây rối trật tự công cộng

**Câu 7. Người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tùcó thể được tha tù trước thời hạn khi có điều kiện nào sau đây?**

a) Phạm tội lần đầu

b) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt

c) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn phạt tù

d) Có nơi cư trú rõ ràng

e) Khi có đủ tất cả các điều kiện tại điểm a, b, c, d nêu trên

**Câu 8. Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích nếu thuộc một trong các trường hợp nào sau đây?**

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc người bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý.

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý.

**Câu 9. Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Người phạm tội chưa đạt có phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt hay không?**

1. Có
2. Không

**Câu 10. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản. Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội thì có được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm hay không?**

a) Có

b) Không

**Câu 11. Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

a) Có

1. Không

**Câu 12. Người che giấu tội phạm (*người không hứa hẹn trước, nhưng sau khi biết tội phạm được thực hiện đã che giấu người phạm tội, dấu vết, tang vật của tội phạm hoặc có hành vi khác cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội*) là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp nào sau đây?**

a) Phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm đối với hành vi che giấu thuộc các loại tội phạm quy định trong Bộ luật Hình sự

b) Chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm khi thuộc trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

**Câu 13. Ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội biết rõ tội phạm đang được chuẩn bị, đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác thì có phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm hay không?**

a) Không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm đối với hành vi không tố giác thuộc các loại tội phạm quy định trong Bộ luật Hình sự.

b) Chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

**Câu 14. Trường hợp nào sau đây không được loại trừ trách nhiệm hình sự?**

a) Sự kiện bất ngờ

b) Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự

c) Phòng vệ chính đáng

d) Tình thế cấp thiết

e) Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội

f) Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ

g) Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc cấp trên.

h) Vô ý phạm tội

**Câu 15. Người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có căn cứ nào sau đây?**

a) Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận hoặc người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và được người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự.

b) Người phạm tội là phụ nữ có thai.

c) Người phạm tội bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

**Câu 16. Trong các hình phạt sau, hình phạt nào không phải là hình phạt chính ?**

a) Cảnh cáo

b) Phạt tiền

c) Cải tạo không giam giữ

d) Trục xuất

đ) Tù có thời hạn

e) Tù chung thân

g) Tử hình

h) Giáo dục tại xã, phường, thị trấn

**Câu17.Trong các hình phạt sau, hình phạt nào không phải là hình phạt bổ sung?**

a) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định

b) Cấm cư trú

c) Quản chế

d) Khiển trách

e) Tước một số quyền công dân

g) Tịch thu tài sản

**Câu 18. Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự?**

a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm.

b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả.

c) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn.

d) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

đ) Người phạm tội tự thú.

e) Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

g) Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án.

h) Người phạm tội đã lập công chuộc tội.

i) Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác.

**Câu 19. Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?**

a) Phạm tội có tổ chức;

b) Phạm tội có tính chất côn đồ;

c) Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng;

d) Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm;

đ) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên;

e)Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác;

g) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội;

h) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội;

i) Có hành động xảo quyệt hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm;

k) Người phạm tội là người có bệnh

**Câu 20. So với Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Hình sự năm 2015 bổ sung thêm trường hợp nào sau đây không phải thi hành án tử hình với người bị kết án?**

a) Người đủ 75 tuổi trở lên; Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.

b) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

c) Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại một phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.

**Câu 21. Khoản 1 Điều 108 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định công dân Việt Nam câu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiềm lực quốc phòng, an ninh thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?**

a) Từ 12 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình

b) Từ 10 năm đến 15 năm

c) Từ 7 năm đến 10 năm

**Câu 22. Khoản 1 Điều 117 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người có hành vi làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung xuyên tạc, phỉ báng chính quyềnnhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?**

1. Từ 05 năm đến 07 năm

b) Từ 05 năm đến 12 năm

c) Từ 10 năm đến 12 năm

**Câu 23. Khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người giết 02 người hoặc giết người dưới 16 tuổi hoặc giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình thì thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?**

a) Từ 12 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình

b) Từ 10 năm đến 15 năm

c) Từ 7 năm đến 10 năm

**Câu 24. Khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?**

1. Từ 3 năm đến 7 năm.
2. Từ 3 năm đến 10 năm.
3. Từ 1 năm đến 5 năm.

**Câu 25. Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người tàng trữ trái phép chất ma túy ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam hoặc các chất ma túy ở thể lỏng có thể tích từ 10mililit đến dưới 100 mililít không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?**

a) Từ 2 năm đến 7 năm

b) Từ 1 năm đến 5 năm

c) Từ 2 năm đến 5 năm

**Câu 26. Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người phạm tội làm nhục người khác với hành vi sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác thì bị áp dụng mức phạt nào sau đây?**

a) Phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

b) Phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

c) Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

**Câu 27. Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy địnhngười có nhiệm vụ trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, vì thiếu trách nhiệm mà để mất mát, hư hỏng, lãng phí gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng thì bị áp dụng mức phạt nào sau đây?**

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

b) Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

c) Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

**Câu 28. Điều 182 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng, có vợ sẽ bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 01 năm khi thuộc trường hợp nào sau đây?**

a) Làm cho quan hệ hôn nhân của một hoặc hai bên dẫn đến ly hôn hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trên mà còn vi phạm.

b) Làm cho vợ, chồng hoặc con của một trong hai bên tự sát.

c) Đã có quyết định của Tòa án hủy việc kết hôn hoặc buộc phải chấm dứt việc chung sống như vợ chồng trái với chế độ một vợ, một chồng mà vẫn duy trì quan hệ đó.

**Câu 29. Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người nào giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm khi thuộc trường hợp nào sau đây?**

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.

b) Làm chết 02 người.

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thươngcơ thể của những người này từ 122% đến 200%.

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

**Câu 30. Khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật thì bị áp dụng mức phạt nào sau đây?**

1. Phạt tù từ 02 năm đến 07 năm
2. Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.
3. Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm

***II. Phần dành cho thí sinh trên 18 tuổi***

**Câu 1. Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định những trường hợp nào được loại trừ trách nhiệm hình sự ? Phân tích những điểm mới so với Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) về các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự?**

**Câu 2. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

**Câu 3. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của người khác quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

**Câu 4. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội tham ô tài sản quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

***Trả lời***

**Câu 1. Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định những trường hợp nào được loại trừ trách nhiệm hình sự ? Phân tích những điểm mới so với Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) về các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự?**

**Trả lời:**

Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự được quy định tại Chương 4 của Bộ luật Hình sự năm 2015 bao gồm:

***Điều 20. Sự kiện bất ngờ***

Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.

***Điều 21.Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự***

Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.

***Điều 22. Phòng vệ chính đáng***

1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.

Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

1. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này.

***Điều 23. Tình thế cấp thiết***

1. Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.

Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm.

1. Trong trường hợp thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, thì người gây thiệt hại đó phải chịu trách nhiệm hình sự.

***Điều 24. Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội***

1. Hành vi của người để bắt giữ người thực hiện hành vi phạm tội mà không còn cách nào khác là buộc phải sử dụng vũ lực cần thiết gây thiệt hại cho người bị bắt giữ thì không phải là tội phạm.
2. Trường hợp gây thiệt hại do sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết, thì người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm hình sự.

***Điều 25. Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ***

Hành vi gây ra thiệt hại trong khi thực hiện việc nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới mặc dù đã tuân thủ đúng quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa thì không phải là tội phạm.

Người nào không áp dụng đúng quy trình, quy phạm, không áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa mà gây thiệt hại thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

Điều 26. Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên

Người thực hiện hành vi gây thiệt hại trong khi thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên trong lực lượng vũ trang nhân dân để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nếu đã thực hiện đầy đủ quy trình báo cáo người ra mệnh lệnh nhưng người ra mệnh lệnh vẫn yêu cầu chấp hành mệnh lệnh đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp này người ra mệnh lệnh phải chịu trách nhiệm hình sự.

***Phân tích những điểm mới trong Bộ luật hình sự 2015:***

Quy định này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 421 (Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược), khoản 2 Điều 422 (Tội chống loài người) và khoản 2 Điều 423 (Tội phạm chiến tranh) của Bộ luật Hình sự.

- So với Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có một số điểm mới như sau:

+ Kết cấu thành một chương riêng trong Bộ luật Hình sự về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự.

+ Bổ sung 03 trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự: Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội; Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ; Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên.

+ Thay đổi trong cách xây dựng các khái niệm: phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết.

**Câu 2. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

**Trả lời:**

**Điều 185.** Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình

1. Người nào đối xử tồi tệ hoặc có hành vi bạo lực xâm phạm thân thể ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Thường xuyên làm cho nạn nhân bị đau đớn về thể xác, tinh thần;

b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người, người già yếu;

b) Đối với ngườ khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng hoặc người mắc bệnh hiểm nghèo.

**Câu 3. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của người khác quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

**Trả lời:**

**Điều 134**. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây ngay hại cho nhiều người;

b) Dùng axit nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm;

c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

d) Đối với ông, bà, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình;

e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do được thuê;

i) Có tính chất côn đồ;

k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a) Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

b) Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30%;

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 điều này;

b) Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;

c) Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

d) Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 61% trở lên;

d) Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% nhưng thuộcmột trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

đ) ) Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

5. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Làm chết 02 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể mỗi người từ 61% trở lên nhưng thuộcmột trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

6. Người nào chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a- xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

**Câu 4. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội tham ô tài sản quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

**Trả lời:**

**Điều 353. Tội tham ô tài sản**

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà chỉ mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Có tổ chức;

b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

đ) Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bện hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn;

e) Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

g) Ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

b) Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự,an toàn xã hội;

d) Dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 20 năm, chung thân hoặc tử hình:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 1.000.000.000 đồng trở lên;

b) Gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

6. Nguời có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.

**Phần II. Trả lời câu hỏi lý thuyết**

**(Viết câu trả lời)**

***I. Phần dành cho thí sinh dưới 18 tuổi***

**Câu 1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội phạm nào? Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội phạm nào?**

**Câu 2. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội gây rối trật tự công cộng quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

**Câu 3. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

**Câu 4. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

**Trả lời**

**Câu 1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội phạm nào? Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội phạm nào?**

**Trả lời:**

**Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự**

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123,134,141,142,143,144,150,151,155; 168,169,170,171,173,178,248,249,

250,251,252,265,266,286,287,289,290,299,303 và 304 của Bộ luật Hình sự 2015

- Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.

**Câu 2. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội gây rối trật tự công cộng quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

Trả lời:

**Điều 318: Tội gây rối trật tự công cộng.**

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2 .Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

a) Có tổ chức;

b) Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách;

c) Gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng;

d) Xúi giục người khác gây rối;

đ) Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng;

e) Tái phạm nguy hiểm.

**Câu 3. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

**Trả lời:**

**Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông.**

1.Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng , phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt từ 01 năm đến 05 năm.

a) Làm chết người ;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên ;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121% ;

d) Gây thiệt hại tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

2.Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

b) Trong tình trạng có sử dụng rượu bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác;

c) Bỏ chạy để chốn chạy trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;

d) Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển hoặc hướng dẫn giao thông;

đ) Làm chết 02 người ;

e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;

g) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000 đồng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15năm :

a) Làm chết 03 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của 03 người mà trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;

c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

4. Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a,b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

5.Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**Câu 4. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?**

**Điều 258: Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy**.

1. Người nào rủ rê, dụ dỗ, xúi giục hoặc bằng các thủ đoạn khác nhằm lôi kéo ngươi khác sử dụng chất ma túy, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Vì động cơ đê hèn hoặc vì tư lợi;

d) Đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi;

đ) Đối với phụ nữ mà biết là có thai;

e) Đối với 02 người trở lên;

g) Đối với người đang cai nghiện;

h) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

i) Gây bệnh nguy hiểm cho ngườ khác;

k) Tái phạm nguy hiểm;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.

a) Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc gây chết người ;

b) Gây bệnh nguy hiểm cho 02 người trở lên;

c) Đối với người dưới 13 tuổi;

4. Phạm tội trong trường hợp gây chết 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù trung thân.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.